

ANALYTICAL REPORT

Sample Code :	743-2023-00166449	
Analytical Report :	AR-24-VD-001541-01-EN / EUVNHC-00247562	

BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY
Bien Hoa Industrial Zone 1, An Binh Ward, Bien Hoa City
Dong Nai Province, VIETNAM

Sample described as:	Dark brown sugar
Conditioning:	The sample is kept in plastic bag
Sample reception date:	21/12/2023
Analysis Time :	22/12/2023 - 04/01/2024
Client due date :	04/01/2024
Your purchase order reference:	NA9J2312202456

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
1	VD340 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Not detected (LOD=10)
2	VD354 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	MPN/ g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)	Not detected (LOD=0)
3	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Not Detected
4	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Not detected (LOD=10)
5	VDA04 VD (a) <i>Qualitative GMO: Agrobacter II (AB II) (LOD=0.01%)</i>		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Negative
6	VDA04 VD (a) <i>Qualitative GMO: CAMV 35S promoter (35S) (LOD=0.01%)</i>		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Negative
7	VDA04 VD (a) <i>Qualitative GMO: Terminator NOS (iNOS) (LOD=0.01%)</i>		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Negative
8	VD129 VD (a) Carbohydrates content	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003	97.4
9	VD543 VD Energy value (kcal)	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	391
10	VDSAC VD (a) Saccharose content	%	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	95.0
11	VD210 VD Moisture	%	TCVN 6332:2010 (GS 2/1/3-15:2005)	1.69
12	VD290 VD (a) Sulphur dioxide content (SO ₂)	mg/ kg	AOAC 990.28	Not detected (LOD=3)
13	VD889 VD (a) Coppe contentr (Cu)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-5254 (Ref. AOAC 2015.01)	Not detected (LOD=0.5)
14	VD855 VD (a) Cadmium content (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.01)
15	VD861 VD (a) Lead content (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.017)

ANALYTICAL REPORT

NO.	PARAMETERS		UNIT	TEST METHOD	RESULTS
16	VD856	VD (a) Arsenic content (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.01)
17	VD857	VD (a) Mercury content (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.007)
18	VD821	VD (a) Aflatoxin B1 content	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Not detected (LOD=0.5)
19	VD821	VD (a) Aflatoxins total content (B1, B2, G1, G2)	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Not detected (LOD=0.5)
20	VD630	VD Appearance		EVN-R-RD-2-TP-3552	(1)
21	VD630	VD Color		EVN-R-RD-2-TP-3552	(2)
22	VD630	VD Odor		EVN-R-RD-2-TP-3552	(3)
23	VD630	VD Taste		EVN-R-RD-2-TP-3552	(4)
24	VD36T	EXT Total mesophilic bacterial count	cfu/ g	GS 2/3- 41 (2011)- ICUMSA 2017	<10 (*)
25	VD36T	EXT Total yeast, mould	cfu/ g	GS 2/3- 47 (2015)- ICUMSA 2017	<10 (*)

(1) Granular sugar products are covered with a surrounding layer of molasses, creating a certain adhesion between the crystals.

(2) Sugar crystals have the characteristic dark brown color of the product.

(3) Sugar crystals as well as sugar solution in distilled water have a molasses smell, no strange smell.

(4) Sugar crystals as well as sugar solution in distilled water have a sweet taste, no strange taste.

(*) According to the test method, the result is expressed as less than 10 cfu/ g when the dish contains no colony.

LOD: Limit Of Detection.

SIGNATURE



Nguyễn Anh Vũ
HCMC Lab Manager



Lý Hoàng Hải
Managing Director

Report electronically validated by Nguyễn Anh Vũ 09/01/2024, and electronically approved by Lý Hoàng Hải 09/01/2024.

EXPLANATORY NOTE

This document can only be reproduced in full; it only concerns the submitted sample.

Results have been obtained and reported in accordance with our general sales conditions available on request.

The tests are identified by a five-digit code, their description is available on request.

All test methods begin with characters EVN; A39; N79; EHC are internal methods developed by Eurofins Sac Ky Hai Dang.

"VD": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Ho Chi Minh). The symbol (a) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

"EXT": The tests were performed in a subcontracting laboratory that is not in Eurofins group.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00166449
Mã số kết quả : AR-24-VD-001541-01-VI / EUVNHC-00247562



Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa
Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tên mẫu : Đường đen
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu : 21/12/2023
Thời gian thử nghiệm : 22/12/2023 - 04/01/2024
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 04/01/2024
Mã số PO của khách hàng : NA9J2312202456

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD340 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD354 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	MPN/ g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)	Không phát hiện (LOD=0)
3	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Không phát hiện
4	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
5	VDA04 VD (a) <i>Định tính GMO: Agrobacterium II (AB II) (LOD=0.01%)</i>		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Âm tính
6	VDA04 VD (a) <i>Định tính GMO: CAMV 35S promoter (35S) (LOD=0.01%)</i>		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Âm tính
7	VDA04 VD (a) <i>Định tính GMO: Terminator NOS (tNOS) (LOD=0.01%)</i>		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Âm tính
8	VD129 VD (a) Hàm lượng Carbohydrates	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003	97.4
9	VD543 VD Năng lượng	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	391
10	VDSAC VD (a) Hàm lượng Sacharose	%	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	95.0
11	VD210 VD Độ ẩm	%	TCVN 6332:2010 (GS 2/1/3-15:2005)	1.69
12	VD290 VD (a) Hàm lượng Sulfur dioxide (SO ₂)	mg/ kg	AOAC 990.28	Không phát hiện (LOD=3)
13	VD889 VD (a) Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-5254 (Ref. AOAC 2015.01)	Không phát hiện (LOD=0.5)
14	VD855 VD (a) Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
15	VD861 VD (a) Hàm lượng Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
16	VD856 VD (a) Hàm lượng Asen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
17	VD857 VD (a) Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
18	VD821 VD (a) Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
19	VD821 VD (a) Hàm lượng Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
20	VD630 VD Màu sắc		EVN-R-RD-2-TP-3552	
21	VD630 VD Mùi		EVN-R-RD-2-TP-3552	
22	VD630 VD Trạng thái		EVN-R-RD-2-TP-3552	
23	VD630 VD Vị		EVN-R-RD-2-TP-3552	
24	VD36T EXT Tổng số vi khuẩn hiếu khí	cfu/ g	GS 2/3- 41 (2011)- ICUMSA 2017	<10 (*)
25	VD36T EXT Tổng số nấm men, nấm mốc	cfu/ g	GS 2/3- 47 (2015)- ICUMSA 2017	<10 (*)

- (1) Sản phẩm đường dạng hạt được bao phủ một lớp mật xung quanh, tạo nên độ kết dính nhất định giữa các tinh thể.
(2) Tinh thể đường có màu nâu đậm đặc trưng của sản phẩm.
(3) Tinh thể đường cũng như dung dịch đường trong nước cất có mùi mật mía, không mùi lạ.
(4) Tinh thể đường cũng như dung dịch đường trong nước cất có vị ngọt, không có vị lạ.
(*) Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 cfu/ g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.
LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 09/01/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 09/01/2024.

Ghi chú giải thích
Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.
"EXT": Các phép thử này được thực hiện bởi các nhà thầu phụ không thuộc hệ thống Eurofins.